

CHÍNH PHỦ
Số: 66/2002/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 7 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về định mức hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh và quà biếu, tặng nhập khẩu được miễn thuế

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 26 tháng 12 năm 1991;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 05 tháng 7 năm 1993; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 04/1998/QH10 ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001-QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

ĐỊNH MỨC HÀNH LÝ ĐƯỢC MIỄN THUẾ CỦA NGƯỜI XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH QUA CỬA KHẨU VIỆT NAM

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này định mức hành lý được miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh qua các cửa khẩu quốc tế Việt Nam bằng hộ chiếu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp.

Điều 2.

1. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh bằng giấy thông hành, chứng minh thư biên giới không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

2. Người xuất cảnh, nhập cảnh mang theo ngoại tệ, vàng, đá quý thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân hàng.

3. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại điều ước quốc tế đó.

Điều 3.

1. Hành lý của người nhập cảnh là vật dụng cần thiết cho nhu cầu sinh hoạt hoặc mục đích chuyến đi của người nhập cảnh, bao gồm hành lý mang theo người, hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi.

2. Thời hạn nhận hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi của người nhập cảnh là không quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày hành lý về đến cửa khẩu.

Điều 4.

1. Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh được làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu. Người xuất cảnh, nhập cảnh không phải khai hải quan trên Tờ khai nhập - xuất cảnh Việt Nam nếu không có hành lý vượt định mức miễn thuế, không có hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi.

2. Người xuất cảnh, nhập cảnh được tạm gửi hành lý vào kho của Hải quan cửa khẩu và được nhận lại khi nhập cảnh, xuất cảnh. Thời gian tạm gửi hành lý không quá 180 (một trăm tám mươi) ngày, kể từ ngày hành lý được gửi vào kho của Hải quan.

3. Trong thời hạn tạm gửi hành lý quy định tại khoản 2 Điều này, nếu người xuất cảnh, nhập cảnh có văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý nhưng người xuất cảnh, nhập cảnh không nhận lại, thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu tổ chức thanh lý, hoặc tiêu huỷ theo quy định của pháp luật nếu hành lý đó đã bị hư hỏng.

Tiền thu được từ việc thanh lý hàng hoá được nộp vào ngân sách nhà nước sau khi trừ đi các chi phí phát sinh theo quy định của pháp luật.

Điều 5.

1. Định mức hành lý miễn thuế của người nhập cảnh được quy định như sau:

a) Cho từng lần nhập cảnh;

b) Không gộp chung định mức miễn thuế của nhiều lần nhập cảnh để tính miễn thuế một lần nhập cảnh;

c) Không gộp định mức hành lý miễn thuế của nhiều người nhập cảnh để giải quyết miễn thuế cho một người nhập cảnh, trừ hành lý của các cá nhân trong một gia đình mang theo trong cùng chuyến đi.

2. Không hạn chế định mức hành lý của người xuất cảnh, trừ các vật phẩm nằm trong Danh mục hàng cấm xuất khẩu hoặc xuất khẩu có điều kiện theo quy định của pháp luật.

Điều 6.

1. Định mức hành lý miễn thuế của người nhập cảnh quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, và 5 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này được quy định như sau:

a) Đối với rượu, nếu người nhập cảnh mang nguyên chai, bình, lọ, can (sau đây viết tắt là chai) có dung tích lớn hơn không quá 01 (một) lít so với định mức quy định thì được miễn thuế cả chai; nếu có dung tích vượt quá định mức nói trên thì phải nộp thuế cho phần vượt theo quy định của pháp luật.

b) Đối với thuốc lá điếu, xì gà, người nhập cảnh chỉ được mang theo đúng định mức miễn thuế; nếu mang vượt định mức miễn thuế thì phần vượt phải được tạm gửi tại kho của Hải quan cửa khẩu và nhận lại trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

c) Đối với quần áo, đồ dùng, các vật phẩm khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân, người nhập cảnh được mang theo với số lượng, chủng loại hợp lý, phù hợp với mục đích chuyến đi.

2. Trường hợp hành lý của người nhập cảnh vượt quá định mức được miễn thuế thì phần vượt này được coi là hàng hoá nhập khẩu, phải thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hoá nhập khẩu, pháp luật về thuế. Người nhập cảnh được chọn vật phẩm để nộp thuế trong trường hợp hành lý mang theo gồm nhiều vật phẩm.

3. Trường hợp phần vượt định mức hành lý miễn thuế của người nhập cảnh phải nộp thuế, nhưng nếu tổng số thuế phải nộp dưới 50.000 (năm mươi nghìn) đồng Việt Nam thì cũng được miễn thuế.

4. Người nhập cảnh dưới 18 tuổi không được hưởng định mức miễn thuế quy định tại các khoản 1, 2, 3 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.